

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị
về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo
và chuyển đổi số quốc gia**

- Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị (gọi tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW);

- Căn cứ Kế hoạch hành động số 469-KH/TU ngày 16/5/2025 của Tỉnh ủy Đồng Nai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia,

Ban Thường vụ Đảng ủy xã Lộc Hưng ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa và thực hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 469-KH/TU ngày 16/5/2025 của Tỉnh ủy Đồng Nai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Xác định nhiệm vụ cụ thể để các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; hiện thực hóa mục tiêu đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới.

- Tiếp tục triển khai thực hiện kịp thời, thống nhất, hiệu quả và đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia theo Chương trình chuyển đổi số đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn theo tinh thần Nghị quyết số 57 nhằm phát triển Chính quyền số, xây dựng xã hội số, phát triển kinh tế số trong các ngành, các lĩnh vực.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và người dân trong việc thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn xã.

2. Yêu cầu

- Các thành viên Ban Chỉ đạo và người đứng đầu các cơ quan, đơn vị tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện ở cơ quan, đơn vị mình.

- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể chú trọng tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm chủ động, kịp thời, linh hoạt, hiệu quả; phân công nhiệm vụ cụ thể với tinh thần “5 rõ: rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả”, “*dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung*”; thường xuyên kiểm tra, đánh giá, giám sát thực hiện; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, từng tổ chức, cơ quan, đơn vị và từng cá nhân liên quan.

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực thúc đẩy phát triển các nền tảng công nghệ số, nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn xã; tận dụng, huy động tối đa nguồn lực xã hội hóa phục vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của địa phương.

II. Mục tiêu

1. Đến năm 2030

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn xã đạt 100%.
- 100% người sử dụng có khả năng truy cập băng thông rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s.

b) Phát triển nguồn lực

- Phần đầu tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số là $\geq 2\%$ trong tổng chi ngân sách xã.
- 100% cán bộ, công chức xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.
- 100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.
- 80% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

c) Phát triển khoa học, công nghệ

- Phần đầu có ≥ 01 công trình khoa học công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu.
- Phối hợp triển khai 100% nhiệm vụ khoa học công nghệ do cấp tỉnh triển khai trên địa bàn xã.
- Ứng dụng AI, IoT, BigData,... trong quản lý môi trường, xã thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân theo kế hoạch triển khai của tỉnh.

d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Có ≥ 01 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.
- Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên $\geq 20\%$ trong tổng số doanh nghiệp.
- Có ≥ 01 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.
- Mỗi năm có ≥ 01 sáng kiến trong khu vực công được công nhận

e) Phát triển chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số cấp xã $\geq 0,65$.
- Có 100% thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính.
- 100% thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.
- 90% giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.
- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.
- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.
- Có $\geq 80\%$ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- Có $\geq 70\%$ hệ thống thông tin của xã vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.
- Có $\geq 85\%$ cơ sở dữ liệu của xã được số hóa và liên thông tới tỉnh.
- Có $\geq 50\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.
- Có $\geq 80\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID).
- Đảng ủy xã hoàn thành tốt mục tiêu của Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng.
- Đảng ủy, chính quyền xã sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.
- Có 80% giao dịch không dùng tiền mặt.
- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử.
- Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 15% GRDP, trong đó kinh tế số ngành, lĩnh vực chiếm 50%.

2. Đến hết năm 2035

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 50%.

b) Phát triển nguồn lực

- Phân đầu tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số là 2% trong tổng chi ngân sách xã.
- 100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.
- 100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.
- 90% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- Phần đầu có từ 10 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.

c) Phát triển khoa học, công nghệ

- Phần đầu có 01 doanh nghiệp khoa học và công nghệ hoạt động trên địa bàn xã.

- Mỗi năm có ít nhất 01 công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu.

- Mỗi năm có ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được triển khai.

- Mỗi năm có ít nhất 01 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp, hữu ích)

- Có 25% tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ trong sản xuất/kinh doanh.

d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Phần đầu có 01 doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn xã.

- Phần đầu có 03 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Có $\geq 30\%$ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.

- Có ≥ 02 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.

- Mỗi năm có ≥ 01 sáng kiến trong khu vực công được công nhận.

e) Phát triển chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số cấp xã $\geq 0,75$.

- 95% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

- Có 95% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.

- Có 70% hệ thống thông tin của xã vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.

- 100% cơ sở dữ liệu của xã được số hóa và liên thông với tỉnh.

- 100% dữ liệu của xã được tích hợp trên nền tảng chia sẻ LGSP.

- Có $\geq 65\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.

- Có $\geq 90\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử, tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số đạt $\geq 15\%$.

3. Đến hết năm 2040

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 80%.

b) Phát triển nguồn nhân lực

- Có $\geq 2,5\%$ tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo;

- 90% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- 80% dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số,...).

- Phần đầu có từ 15 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.

c) Phát triển khoa học, công nghệ

- Mỗi năm có 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai trên địa bàn xã.

- Có $\geq 30\%$ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu trong sản xuất/kinh doanh.

- Ứng dụng AI, IoT, BigData,... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.

d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Có ≥ 05 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Mỗi năm có 01 dự án khởi nghiệp sáng tạo.

- Có 50% doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.

- Có ≥ 03 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.

- Mỗi năm có ≥ 01 sáng kiến trong khu vực công được công nhận.

e) Phát triển chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số cấp xã $\geq 0,85$.

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

- 100% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.

- 75% hệ thống thông tin của xã vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.

- 100% cơ sở dữ liệu của xã được số hóa và liên thông với tỉnh.

- 100% dữ liệu của xã được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP.

- Có $\geq 80\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.

- 100% người dân có tài khoản định danh điện tử, tỷ lệ người dân có chữ ký số đạt $\geq 20\%$.

- Đảng ủy, chính quyền xã sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.

4. Đến hết năm 2045

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 100%.

b) Phát triển nguồn lực

- Có $\geq 03\%$ tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 2,5% GRDP.

- 95% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- Có $\geq 85\%$ dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số,...).

- Phần đầu có từ 20 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.

c) Phát triển khoa học, công nghệ

- Mỗi năm có ≥ 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai trên địa bàn xã.

- Có ≥ 03 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích).

- Có $\geq 50\%$ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất, kinh doanh.

d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Có ≥ 06 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Mỗi năm có 01- 02 dự án khởi nghiệp sáng tạo.

- Có 50% doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.

- Mỗi năm có ≥ 05 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.

- Có ≥ 02 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách xã.

- Có 01 sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại xã.

- Mỗi năm có 01 sáng kiến trong khu vực công được công nhận.

e) Phát triển chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số cấp xã đạt 0,97%.

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

- 100% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.

- 100% hệ thống thông tin của xã vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.

- 100% cơ sở dữ liệu của xã được số hóa và liên thông với tỉnh.

- 100% dữ liệu của xã được tích hợp trên nền tảng chia sẻ LGSP.

- 100% doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.

- 95% người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID), tỷ lệ người dân có chữ ký số đạt $\geq 30\%$.

- Ứng dụng AI, IoT và BigData ở mức độ cao trong hệ thống đảng số, chính quyền số.

- Đảng ủy, chính quyền xã sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.

- Dịch vụ y tế, giáo dục, an sinh xã hội đạt chuẩn tiên tiến, người dân hưởng thụ môi trường sống hiện đại, an toàn, tiện ích.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

1.1. Xây dựng và tổ chức triển khai chương trình tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW và kế hoạch này theo hướng: Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền thông qua phát thanh, các nền tảng số, mạng xã hội; cụ thể hóa nội dung tuyên truyền cho từng nhóm đối tượng là người dân, doanh nghiệp; kế hoạch tuyên truyền phải có mục tiêu, tiêu chí đánh giá cụ thể, định kỳ đo lường và công bố kết quả thực hiện theo quy định.

1.2. Theo dõi, cập nhật các quy định do Tỉnh, Trung ương ban hành để triển khai tại địa phương quy định về: Trách nhiệm người đứng đầu, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; trách nhiệm xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch, đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, đơn vị, tổ chức. Người đứng đầu cấp ủy, các cơ quan, đơn vị, trực tiếp phụ trách, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra; giao trách nhiệm; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá. Định kỳ đánh giá, công bố mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức; kết quả thực hiện chuyển đổi số là tiêu chí đánh giá hiệu quả việc thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm.

1.3. Bố trí phù hợp số lượng cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật trong cấp ủy. Phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

1.4. Tổ chức triển khai sâu rộng, đạt hiệu quả cao phong trào “*học tập số*”, phổ cập, nâng cao kiến thức khoa học, công nghệ, kiến thức số trong cán bộ, công chức và Nhân dân; các phong trào khởi nghiệp, sáng tạo, cải tiến nâng cao hiệu quả công việc, năng suất lao động, khơi dậy tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, phát huy trí tuệ Việt Nam thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

2.1. Chủ động triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp với từng loại hình nghiên cứu; nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đồng thời theo dõi sát, nắm bắt tình hình, cập nhật kịp thời các văn bản mới của tỉnh, Trung ương để chủ động, khẩn trương cụ thể hóa, triển khai kịp thời các cơ chế, chính sách tháo gỡ ngay sau khi được các cơ quan Trung ương, tỉnh ban hành.

2.2. Sẵn sàng tiếp nhận triển khai thực hiện thí điểm tại xã sau khi Nhà nước ban hành cơ chế thí điểm để doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới có sự giám sát của Nhà nước.

2.3. Thực hiện nghiêm, khẩn trương theo tiến độ những nhiệm vụ thuộc thẩm quyền cấp xã trong việc rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước để bảo đảm thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2.4. Triển khai kịp thời các cơ chế, chính sách do Trung ương ban hành về hỗ trợ, phát triển các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ công lập hoạt động hiệu quả; giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức, cán bộ, tài chính, chuyên môn; được sử dụng ngân sách nhà nước thuê chuyên gia, sử dụng tài sản hữu hình và trí tuệ để liên kết, hợp tác khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp; cơ chế cho phép và khuyến khích các tổ chức nghiên cứu, nhà khoa học thành lập và tham gia điều hành doanh nghiệp dựa trên kết quả nghiên cứu.

2.5. Thu hút, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của xã. Phân bổ nguồn ngân sách chi sự nghiệp khoa học và công nghệ bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải. Vận dụng phù hợp với tình hình thực tế của xã để thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách khuyến khích mua sắm công đối với các sản phẩm, hàng hóa là kết quả nghiên cứu khoa học do doanh nghiệp trong nước tạo ra; cơ chế nghiên cứu, tiếp cận, mua các thiết bị công nghệ, học hỏi các công nghệ tiên tiến của nước ngoài.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

3.1. Đề xuất nội dung phù hợp với tình hình, điều kiện, thế mạnh của xã để tham gia vào Chương trình phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược quốc gia (các lĩnh vực năng lượng, môi trường, công nghệ sinh học, trí tuệ nhân tạo..).

3.2. Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ số; khuyến khích đầu tư, mua, thuê các sản phẩm, dịch vụ số. Tham gia xây dựng kế hoạch dùng chung các nền tảng số quốc gia, vùng bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số. Thúc đẩy hệ sinh thái kinh tế số trên các lĩnh vực.

3.3. Thực hiện cơ chế hợp tác công tư để phát triển hạ tầng số hiện đại, trong đó nguồn lực nhà nước là chủ yếu. Phối hợp phát triển hạ tầng viễn thông, internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo. Phát triển hạ tầng vật lý số, hạ tầng tiện ích số; tích hợp cảm biến, ứng dụng công nghệ số vào hạ tầng thiết yếu.

3.4. Triển khai tại xã các cơ chế, chính sách của tỉnh, Trung ương về hỗ trợ các doanh nghiệp trong và nước ngoài đầu tư, xây dựng trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây. Xây dựng, phát huy hiệu quả dữ liệu của tỉnh bảo đảm liên thông,

tích hợp, chia sẻ. Từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với các ngành, lĩnh vực quan trọng của xã.

4. Phát triển, bố trí đủ nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

4.1. Có kế hoạch thu hút, tuyển dụng và đào tạo nhân lực, nhân lực chuyên môn về chuyển đổi số, lực lượng chuyên trách bảo đảm an toàn, an ninh mạng làm việc tại các cơ quan nhà nước, bảo đảm đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp theo đặc thù của xã.

4.2. Tập trung nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ được giao thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới; các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực đã được phê duyệt, tập trung vào nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược.

4.3. Thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng cường giáo dục và hướng nghiệp STEM, thu hút học sinh giỏi theo học các ngành STEM.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

5.1. Chuẩn bị các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật, nhân lực để chủ động, sẵn sàng triển khai thực hiện ngay kế hoạch và lộ trình đưa toàn bộ hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị lên môi trường số, bảo đảm liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước sau khi Trung ương, tỉnh có hướng dẫn; phát triển hệ thống giám sát, điều hành thông minh (trung tâm IOC) nhằm tăng cường quản lý công; đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn xã, cá nhân hóa và dựa trên dữ liệu; tăng cường giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ Nhân dân.

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW của Ban chỉ đạo phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của TW ngày 19/6/2025 về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

5.2. Phát triển các nền tảng số an toàn và tăng cường ứng dụng công nghệ số, hình thành công dân số; xây dựng xã hội số an toàn, lành mạnh; thúc đẩy phát triển văn hóa số bảo đảm giữ gìn bản sắc dân tộc, thực hiện tốt quy tắc ứng xử trên không gian mạng, giảm thiểu tác động tiêu cực của công nghệ số đối với xã hội; xây dựng nền tảng số nhằm giám sát, thu thập dữ liệu lĩnh vực sử dụng đất, tài nguyên, môi trường của xã.

5.3. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng và chủ quyền quốc gia trên nền tảng số và không gian mạng; an ninh, an toàn dữ liệu hợp pháp của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và chủ quyền an ninh dữ liệu quốc gia. Từng bước ứng dụng công

nghe số trong chỉ huy, điều hành tác chiến của lực lượng vũ trang cũng như làm chủ công nghệ cao trong hoạt động quốc phòng, an ninh; ngăn chặn hiệu quả tội phạm lĩnh vực chuyển đổi số, phòng, chống lừa đảo trực tuyến; xây dựng và phát huy sức mạnh thể trận lòng dân trên không gian mạng để bảo vệ Tổ quốc.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

6.1. Khuyến khích doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp trên địa bàn đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp; hỗ trợ khởi nghiệp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

6.2. Thực hiện hiệu quả Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2025), Đề án 06, Chương trình chuyển đổi số quốc gia và các quy định liên quan nhằm xây dựng khu dân cư, sử dụng công nghệ xanh và tiết kiệm năng lượng.

6.3. Đẩy mạnh tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số; đẩy mạnh sản xuất thông minh trong các ngành, lĩnh vực: Nông nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, logistics.

7. Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Đẩy mạnh phối hợp với các xã, các sở, ngành của tỉnh, các địa phương có trình độ khoa học, công nghệ, chuyển đổi số phát triển, nhất là các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học và các công nghệ chiến lược khác; học tập kinh nghiệm, kịp thời ứng dụng các thành tựu, kinh nghiệm của các xã vào thực tiễn.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các chi, đảng bộ trực thuộc tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch này tới cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân; đồng thời căn cứ chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện kế hoạch này.

2. Hội đồng nhân dân xã bổ sung vào Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội hằng năm các chỉ tiêu thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW. Đồng thời, chỉ đạo tăng cường công tác theo dõi, giám sát việc triển khai thực hiện.

3. Đảng ủy Ủy ban nhân dân lãnh đạo, chỉ đạo UBND xã xây dựng kế hoạch cụ thể, ưu tiên bố trí nguồn lực tài chính để thực hiện; chỉ đạo rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các chính sách có liên quan; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, xây dựng kế hoạch thực hiện hiệu quả kế hoạch này. Hằng năm, 3 năm và 5 năm báo cáo Đảng ủy kết quả triển khai thực hiện; thường xuyên chỉ đạo, giám sát, kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu đề ra.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện; tuyên truyền, quán triệt, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; đồng thời, phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội đối với việc xây dựng các chủ trương, chính sách về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

5. UBKT Đảng ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, theo dõi, giám sát việc triển khai quán triệt, hướng dẫn tuyên truyền các nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chương trình hành động của Tỉnh ủy và Kế hoạch này.

Trên đây là kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị. Yêu cầu các cấp ủy Đảng, chính quyền, MTTQVN và các đoàn thể nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (b/c),
- Sở Khoa học và Công nghệ (b/c),
- Thường trực HĐND, UBND xã,
- Các chi, đảng bộ trực thuộc,
- Các cơ quan, tham mưu giúp việc Đảng ủy,
- MTTQ và các Đoàn thể xã,
- Lưu VPĐU.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Lý Thanh Tâm